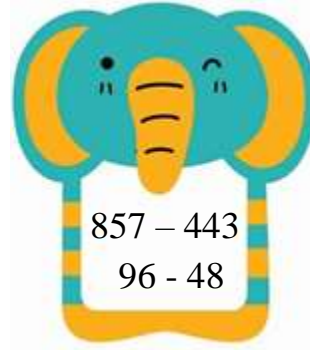
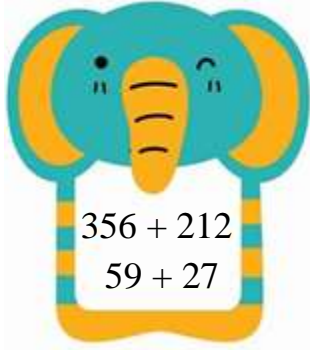


ÔN TẬP CUỐI NĂM - TOÁN LỚP 2

Phần 1 - ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 1000

Bài 1: Đặt tính rồi tính

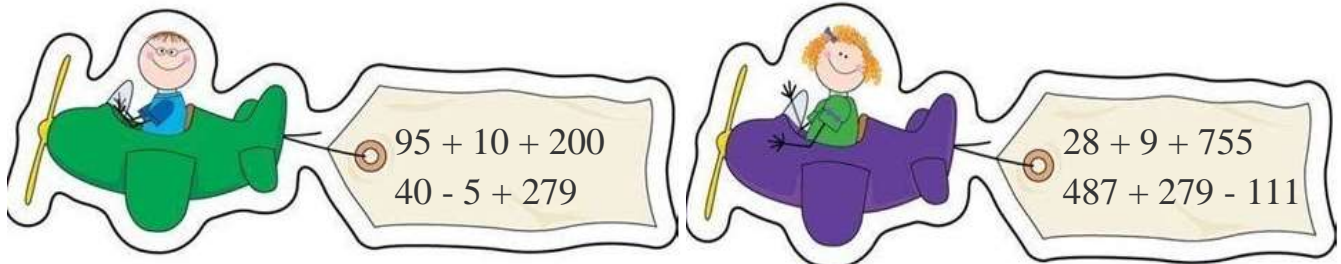


Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ trống

Số hạng	135	319	613	550
Số hạng	417	38	291	220
Tổng				

Số bị trừ	900	324	586	475
Số trừ	710	123	59	380
Hiệu				

Bài 3: Thực hiện phép tính:



Bài 4: Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào ô trống:

$$600 + 30 + 5 \quad \square \quad 632$$

$$315 - 78 \quad \square \quad 282$$

$$100 + 900 \quad \square \quad 1000$$

$$312 + 68 \quad \square \quad 368 + 12$$

Bài 5: Bể thứ nhất chứa 885l nước, bể thứ hai chứa ít hơn bể thứ nhất 215l nước. Hỏi bể thứ hai chứa bao nhiêu lít nước?

Bài 6*: Viết tất cả các số có ba chữ số có tổng các chữ số bằng 5.

Phần 2 - ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA

Bài 1: Nói phép tính với số thích hợp

Tổng của 2 và 8

Tích của 2 và 8

Hiệu của 8 và 2

Thương của 8 và 2



Bài 2: Tính nhẩm



$$\begin{aligned} 2 \times 3 &= \dots \\ 2 \times 6 &= \dots \\ 2 \times 9 &= \dots \end{aligned}$$



$$\begin{aligned} 5 \times 5 &= \dots \\ 5 \times 7 &= \dots \\ 5 \times 4 &= \dots \end{aligned}$$



$$\begin{aligned} 14 : 2 &= \dots \\ 10 : 2 &= \dots \\ 16 : 2 &= \dots \end{aligned}$$

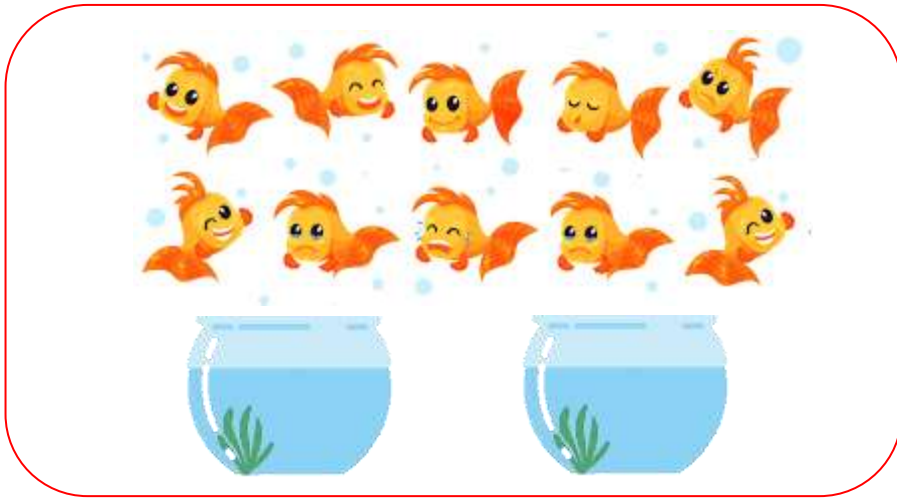


$$\begin{aligned} 20 : 5 &= \dots \\ 35 : 5 &= \dots \\ 10 : 5 &= \dots \end{aligned}$$

Bài 3: Quan sát tranh, viết phép tính thích hợp



$$\square \circ \square = \square$$



$$\square \circ \square = \square$$

Bài 4: Mỗi chú gà có 2 chân

- a) 4 chú gà có chân
- b) 5 chú gà có chân
- c) 8 chú gà có chân
- d) 10 chú gà có chân



Bài 5: Có 18 cái kẹo chia đều vào các lọ.

- a) Nếu chia đều vào 2 lọ thì mỗi lọ có mấy cái kẹo?
- b) Nếu xếp vào mỗi lọ 2 cái kẹo thì cần mấy lọ kẹo?

Bài 6: Em hãy viết:

- a) Phép cộng có tổng bằng một số hạng:
- b) Phép trừ có hiệu bằng số bị trừ:
- c) Phép nhân có tích bằng một thừa số
- d) Phép chia có thương bằng số bị chia

Bài 7: Xem tranh rồi viết phép nhân và phép chia thích hợp



$$\square \times \square = \square \begin{matrix} \rightarrow \square : \square = \square \\ \rightarrow \square : \square = \square \end{matrix}$$



$$\square \times \square = \square \begin{array}{l} \rightarrow \square : \square = \square \\ \rightarrow \square : \square = \square \end{array}$$

Bài 8: Điền số thích hợp vào ô trống

Thừa số	2	2	5	5
Thừa số	3	7	6	5
Tích				
Số bị chia	18	15	20	50
Số chia	2	5	2	5
Thương				

Bài 9: Mỗi bàn có 2 học sinh ngồi. Hỏi 6 bàn có bao nhiêu học sinh ngồi?

Bài 10: Mỗi túi gạo có 5 kg gạo. Hỏi 3 túi gạo có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

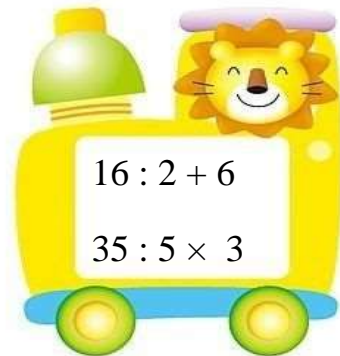
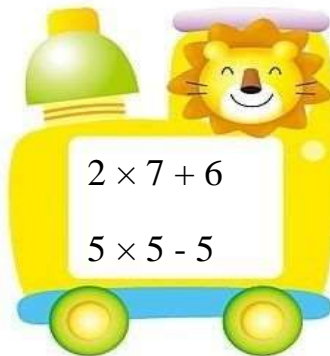
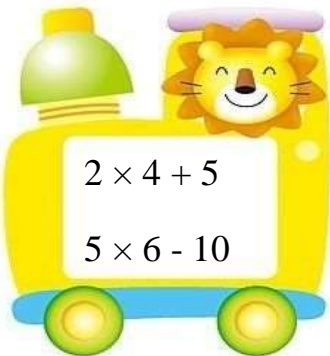
Bài 11: Viết tiếp ba số nữa:

- 8 ; 10 ; 12 ; ... ; ... ; ... ; 20.
- 20 ; 18 ; 16 ; ... ; ... ; ... ; 8.
- 12 ; 15 ; 18 ; ... ; ... ; ... ; 30.
- 24 ; 21 ; 18 ; ... ; ... ; ... ; 6.

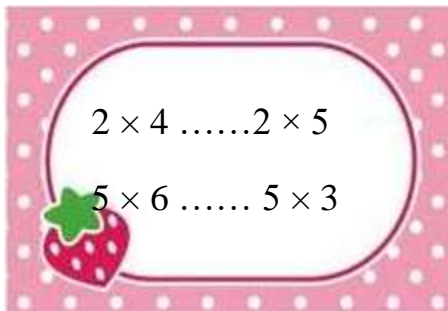
Bài 12: Tính nhẩm



Bài 13: Tính



Bài 14: Điền dấu <, >, =



Bài 15: Có 30 học sinh chia đều thành 5 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy học sinh?

Bài 16: Gà mẹ mỗi ngày đẻ 2 quả trứng. Sau một tuần thì gà mẹ đẻ được bao nhiêu quả trứng?

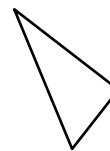
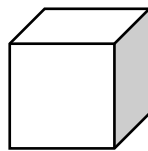
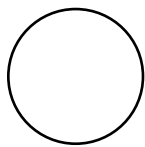
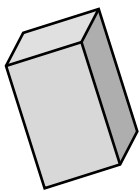
Bài 17*: Tìm một số biết số đó nhân với 5 thì bằng 2 cộng 18.

Bài 18*: Viết tất cả số có ba chữ số biết chữ số hàng chục gấp đôi chữ số hàng đơn vị, chữ số hàng trăm gấp 2 lần chữ số hàng chục.

Bài 19*: Tìm số có 3 chữ số biết chữ số hàng trăm nhân với 2 thì bằng 10. Chữ số hàng chục bằng chữ số hàng trăm chia cho 5. Chữ số hàng đơn vị bằng chữ số hàng chục nhân 2.

Phần 3 -ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

Bài 1: Nối hình với tên gọi phù hợp.



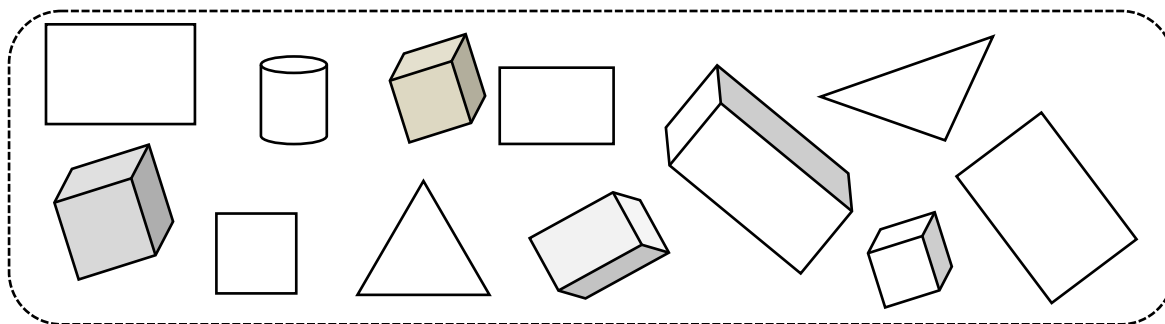
Hình tròn

Khối lập phương

Hình tam giác

Khối hộp chữ nhật

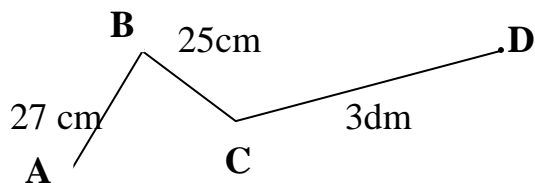
Bài 2: Số?



Hình trên có:

- hình vuông.
- khối lập phương
- khối hộp chữ nhật.
- hình tam giác.

Bài 3: Cho hình vẽ sau, biết $AB = 27$ cm, $BC = 25$ cm, $CD = 3$ dm . Tính độ dài đường gấp khúc ABCD.

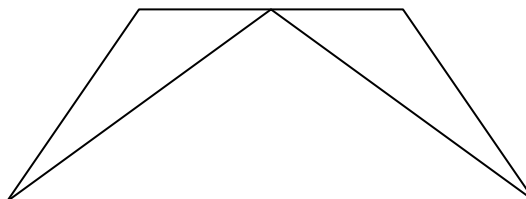


Bài 4

- Trong hình bên:

Có hình tam giác

Có hình tứ giác



Bài 5: Cho 4 điểm A, B, C, D

a, Dùng thước nối A với B; B với D; D với C.

A .

.B

Tên đường gấp khúc vừa nối được là:

b, Cho $AB = 5\text{cm}$; $BD = 6\text{cm}$; $DC = 7\text{cm}$

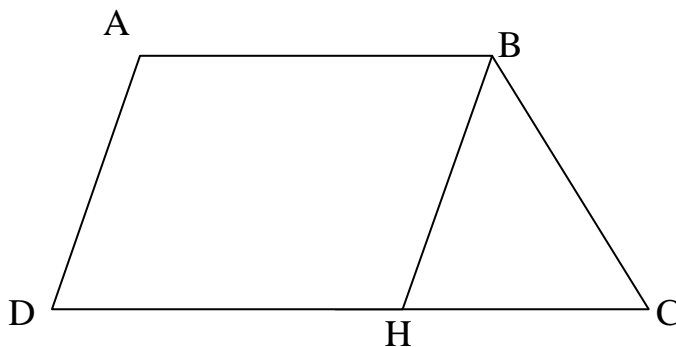
Tính độ dài đường gấp khúc đó.

.....
.....
.....
.....

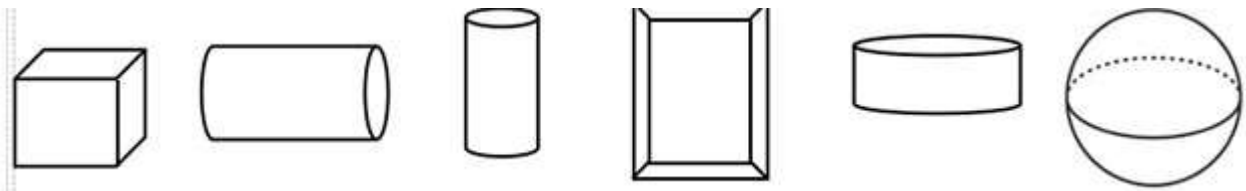
C .

.D

Bài 6: Đọc tên các điểm và các đoạn thẳng trong hình sau



Bài 7: Tô màu xanh vào các khối trụ, màu vàng vào khối lập phương và màu hồng vào khối cầu.



Bài 8: Số?



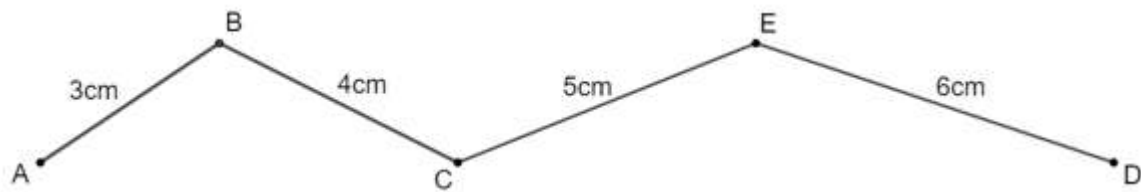
Có hình tam giác

Có hình tứ giác

Có khối trụ

Có khối cầu

Bài 9: Cho hình vẽ:



Đường gấp khúc trên gồm:

- Bao nhiêu điểm? Kể tên các điểm đó.
- Bao nhiêu đoạn thẳng? Kể tên các đoạn thẳng đó.
- Viết tên đường gấp khúc theo 2 cách.
- Tính độ dài đường gấp khúc đó.

Bài 10*: Đếm xem hình bên dưới có bao nhiêu hình tam giác? Bao nhiêu hình tứ giác?



Bài 11*: Chọn hình thích hợp điền vào dấu hỏi chấm cho hợp quy luật

1	2	3	4	5	6

(A)	(B)	(C)	(D)	(E)